TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HTH** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2018
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HTH, TỈNH TN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Phụng.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Xuân Phong**.

2. Ông **Nguyễn Tiến Dũng**.

Th ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** – Th ký Tòa án nhân dân huyện HTh, tỉnh TN**.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTh, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Quốc Sĩ** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HTh, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXX - ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **TKP,** S năm 1972 – có mặt.

Địa chỉ: Số 41A, hẻm 5, đường số 14, đường CVL, ấp HL, xã HT, huyện HTh, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Anh **PTS,** S năm 1967 – có mặt.

Địa chỉ: Số 41A, hẻm 5, đường số 14, đường CVL, ấp HL, xã HT, huyện HTh, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/2/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị TKP trình bày:

Chị P và anh S chung sống vợ chồng vào năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 1990 tại UBND thị trấn HTh, huyện HTh, tỉnh TN.

Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát S mâu thuẫn do anh S Thờng xuyên rượu chè, về nhà quậy phá và đánh đập chị P nhiều lần. Cách đây khoảng 02 năm, anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng Thờng xảy ra bất hòa, anh S Thờng xuyên gây sự đánh đập chị P. Tháng 5/2017, chị P có nộp đơn yêu cầu ly hôn, anh S đến Tòa án cam kết sửa đổi nên chị P rút đơn, chị P mong muốn vợ chồng có cơ hội để hàn gắn. Sau khi chị P rút đơn, anh S vẫn không sửa đổi, vẫn còn ngoại tình với người phụ nữ khác và đánh đập chị P. Chị P đã bỏ nhà đi từ tháng 01/2018 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị P yêu cầu ly hôn với anh S. Nếu trường hợp Tòa án không cho chị P ly hôn thì chị P sẽ tiếp tục nộp đơn lần nữa, vì chị đã chịu đựng quá lâu, không thể nào tiếp tục chịu đựng thêm.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là PTHTr, S năm 1991 và PTATh, S năm 1999 đều đã thành niên nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình lại việc và tại phiên tòa, bị đơn anh PTS trình bày:

Anh S thống nhất lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thời gian phát S mâu thuẫn. Theo anh S, nguyên nhân mâu thẫn vợ chồng do chị P không tin tưởng anh về vấn đề tiền bạc và tình cảm, chị P luôn nghi ngờ anh ngoại tình với người khác, ghen tuông vô cớ. Cho nên, cuộc sống của vợ chồng Thờng xuyên xảy ra bất hòa và cãi nhau. Tháng 05/2017, chị P có nộp đơn yêu cầu ly hôn và được Tòa án giải quyết đoàn tụ một lần nhưng chị P vẫn không tin tưởng tình cảm của anh S, luôn ghen tuông và tiếp tục nộp đơn khởi kiện ly hôn. Chị P đã bỏ nhà đi từ tháng 01/2018 cho đến nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh S không đồng ý ly hôn vì anh S mong muốn có một gia đình đầm ấm để con cái có nơi sum họp. Ngoài ra, anh S thừa nhận chỉ có dọa chị P chứ anh S không có đánh chị P. Anh tha thiết muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh không có ngoại tình như lời chị P trình bày, anh vẫn còn tình cảm với chị P, anh sẽ không đồng ý ly hôn vì chị P cho rằng anh ngoại tình mới nộp đơn ly hôn, nếu anh đồng ý ly hôn thì đồng

nghĩa với việc tự thừa nhận mình có ngoại tình. Nếu chị P vẫn kiên quyết ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định, trường hợp cho anh ly hôn thì anh cũng không có ý kiến nhưng anh kiên quyết không tự ký đơn ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như chị P trình bày. Do 02 con đều đã thành niên nên anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, các đương sự không trình bày gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTh, tỉnh TN phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị TKP đối với anh PTS. Anh chị có 02 con chung là PTHTr, S năm 1991 và PTATh, S năm 1999 đều đã thành niên nên chị P và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về nội dung vụ án**:

[1]. Về hôn nhân:

Xét về quan hệ hôn nhân của chị TKP và anh PTS thấy rằng: Anh chị bắt đầu chung sống từ năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HTh. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, anh S và chị P thống nhất thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì bắt đầu phát S mâu thuẫn, thừa nhận vợ chồng Thờng xuyên cải vã nhau, từ tháng 01/2018 thì vợ chồng không sống chung cho đến nay. Mặt dù, anh chị không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị P cho rằng anh S Thờng xuyên uống rượu và đánh đập chị P, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh S thừa nhận là có hăm dọa chứ không có đánh đập chị P, nguyên nhân mâu thuẫn do chị P không tin tưởng anh S về vấn đề tiền bạc và tình cảm, anh S không có ngoại tình. Như vậy, có căn cứ khẳng định vợ chồng anh S, chị P đã phát S mâu thuẫn

một thời gian dài, tháng 05/2017, chị P đã nộp đơn ly hôn 01 lần và đã rút đơn về để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, nhưng sau khi chị P rút đơn về chẳng những vợ chồng không hàn gắn được mà từ tháng 01/2018 thì vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Do tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh S là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là PTHTr, S năm 1991 và PTATh, S năm 1999, các con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Chị P và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Chị P và anh S trình bày không có.

[5]. Về án phí: Chị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị TKP đối với anh PTS.

Chị TKP được ly hôn với anh PTS.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là PTHTr, S năm 1991 và PTATh, S năm 1999 đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị P và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị P và anh S trình bày không có.

5. Về án phí:

Chị TKP phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu số 0019377 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HTh, tỉnh TN. Ghi nhận chị P đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HTh;
- Chi cục THADS huyện HTh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Kim Phụng